

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2007/TT-BVHTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn về xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú**

Căn cứ Luật thi đua - khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua - khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua - khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua - khen thưởng;

Sau khi thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn về việc xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Thông tư này hướng dẫn về xét tặng

danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú cho đối tượng là: Công dân Việt Nam hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại Việt Nam;

b) Danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú chỉ phong tặng một lần cho một người.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ:

a) Đối tượng biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

- Diễn viên, bao gồm: người diễn kịch hát truyền thống, kịch nói, nhạc kịch, kịch câm, phim điện ảnh và truyền hình, xiếc, múa rối, hát, múa, nhạc công, ngâm thơ và biểu diễn trực tiếp trước công chúng hoặc qua sóng phát thanh hay truyền hình.

- Đạo diễn, bao gồm: kịch hát truyền thống, kịch nói, nhạc kịch, kịch câm,

xiếc, múa rối, ca múa nhạc, phim điện ảnh, phim truyền hình và sân khấu truyền thanh, truyền hình, âm thanh trong điện ảnh, truyền hình, sân khấu và âm nhạc phát thanh.

- Biên đạo múa và người chỉ đạo nghệ thuật trực tiếp: kịch hát truyền thống, kịch nói, nhạc kịch, kịch câm và chương trình nghệ thuật tổng hợp ca múa nhạc, xiếc, tạp kỹ.

- Quay phim các thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim truyện truyền hình.

- Họa sĩ bao gồm: Họa sĩ thiết kế trang trí và phục trang sân khấu, điện ảnh, truyền hình và xiếc, tạp kỹ, ca múa nhạc, tạo hình con rối, động tác phim hoạt hình.

- Nhạc sĩ là người chỉ huy dàn nhạc, hợp xướng và giao hưởng.

- Phát thanh viên Phát thanh và Truyền hình hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật.

b) Đối tượng khác:

- Nghệ nhân hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp các bộ môn nghệ thuật truyền thống và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

- Nghệ sĩ thuộc đối tượng nêu tại tiết a, khoản 3 của Thông tư này, do yêu cầu và nhiệm vụ được điều động làm giảng dạy,

làm quản lý đúng lĩnh vực nghệ thuật đó, nếu đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định được xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

3. Quyền lợi của người được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ:

a) Được nhận Bằng chứng nhận và Huy hiệu Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ sĩ Ưu tú của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Được tặng mức tiền thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua - khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua - khen thưởng, cụ thể với các mức sau:

- Nghệ sĩ Nhân dân, mức: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương.

- Nghệ sĩ Ưu tú, mức: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương.

II. ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ

Nghệ sĩ được đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú phải đạt các điều kiện sau:

1. Bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú quy định tại Thông tư này.

2. Không xét tặng đối với người bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (về Đảng, đoàn thể, chính quyền, tổ chức xã hội) hoặc vi phạm về Quy chế biểu diễn nghệ thuật và các quy định của Nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong thời gian 5 năm liền kề với năm xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

- Trường hợp bị kết án tù, sau khi chấp hành xong án phạt tù nếu tiếp tục hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì được xem xét việc xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú và thời gian được tính từ khi bắt đầu trở lại hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

3. Mỗi người chỉ được xét tặng một trong bốn danh hiệu vinh dự của Nhà nước: danh hiệu Nghệ sĩ, danh hiệu Nhà giáo, danh hiệu Thầy thuốc, danh hiệu Nghệ nhân.

III. TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG

1. Tiêu chuẩn Nghệ sĩ Nhân dân:

Nghệ sĩ được đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tận tụy với nghề, gương mẫu được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ. Đạt các hình thức khen thưởng sau:

- Đối với nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, liên tục 5 năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến liền kề với năm xét tặng danh hiệu nghệ sĩ.

- Đối với các nghệ sĩ, nghệ nhân không thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú).

- Được tặng ít nhất 3 giải thưởng chính thức (Loại vàng) trở lên, trong đó có 1 giải thưởng của 2 năm liền kề với năm xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ tại các Liên hoan nghệ thuật, hội diễn nghệ thuật, Liên hoan Phát thanh và Truyền hình cấp quốc gia, giải thưởng cấp khu vực quốc tế và các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, tính

từ sau khi được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên (đối với nghệ thuật xiếc từ 15 năm trở lên), đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú từ 05 năm trở lên.

2. Tiêu chuẩn Nghệ sĩ Ưu tú:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, tận tụy với nghề, gương mẫu, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ. Đạt các hình thức khen thưởng sau:

- Đối với nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến 5 năm liền kề với năm xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ.

- Đối với nghệ sĩ, nghệ nhân không thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú).

- Được tặng ít nhất 4 giải thưởng chính thức (loại vàng hoặc bạc) trở lên, trong đó có 1 giải thưởng của 2 năm liền kề với năm xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ tại

các Liên hoan nghệ thuật, hội diễn nghệ thuật, Liên hoan Phát thanh và Truyền hình cấp quốc gia, giải thưởng cấp khu vực quốc tế và các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên (đối với nghệ thuật xiếc từ 10 năm trở lên).

3. Các trường hợp được xem xét tính thành tích nghệ thuật của cá nhân:

a) Đối với giải thưởng tặng cho tác phẩm hoặc tập thể thì được tính thành tích cho cá nhân tham gia (nếu không có giải thưởng cho cá nhân) với tư cách là thành phần chính theo quy định của vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng đó và thành tích để tính cho cá nhân tham gia phải đạt từ 5 giải thưởng chính thức trở lên;

b) Đối với nhạc công được tính thành tích cho cá nhân (nếu không có giải thưởng cho cá nhân) vào giải thưởng tặng cho tập thể của vở diễn, chương trình nghệ thuật với vị trí đảm nhận những phần lĩnh tấu quan trọng có chất lượng trong dàn nhạc và thành tích để tính cho cá nhân tham gia phải đạt từ 5 giải thưởng chính thức trở lên hoặc thành tích trong quá trình tham gia đóng góp vào các chương trình biểu diễn lớn khác hàng năm của đơn vị.

IV. QUY TRÌNH, THỦ TỤC XÉT TẶNG

1. Quy trình xét tặng:

a) Nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp đăng ký đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ tại đơn vị nghệ thuật đang công tác.

- Trường hợp nghệ sĩ, nghệ nhân biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp hoặc nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp đã nghỉ hưu thì đăng ký với Sở Văn hóa - Thông tin tại nơi các nghệ sĩ thường trú.

- Trường hợp nghệ sĩ, nghệ nhân biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp nhưng là Hội viên Hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thì đăng ký tại Hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

b) Các bước xét duyệt:

Việc xét tặng danh hiệu nghệ sĩ được xem xét qua 5 bước sau:

- Xem xét, đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ tại Hội đồng cấp đơn vị nghệ thuật nơi công tác.

- Xem xét, đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ tại Hội đồng cấp Sở Văn hóa -

Thông tin hoặc Hội đồng Cục chuyên ngành (Điện ảnh, Biểu diễn nghệ thuật), Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xem xét, đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ tại Hội đồng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, Ngành, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam.

- Xem xét, đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ tại Hội đồng cấp Chuyên ngành.

- Xem xét, đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ tại Hội đồng cấp Nhà nước.

2. Nguyên tắc xét duyệt

a) Kỳ họp xét tặng danh hiệu nghệ sĩ của Hội đồng các cấp phải có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín. Nghệ sĩ được đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ phải đạt ít nhất $\frac{3}{4}$ số phiếu của tổng số thành viên Hội đồng, mới được lập danh sách để chuyển Hội đồng cấp trên xét;

c) Hội đồng các cấp chỉ xem xét các nghệ sĩ nộp đủ hồ sơ theo quy định và được Hội đồng cấp dưới trực tiếp đề nghị;

d) Không xét các trường hợp khai không đúng mẫu, không đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ không đúng thời hạn;

e) Nghệ sĩ đang là đối tượng đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ thì không tham gia vào Hội đồng các cấp;

g) Hội đồng các cấp có trách nhiệm thông báo công khai kết quả xét tặng danh hiệu nghệ sĩ trong cơ quan, đơn vị và phạm vi quản lý (trong thời gian 10 ngày làm việc) và thông báo bằng văn bản những trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn (nêu lý do cụ thể); xử lý dứt điểm, có kết luận những thắc mắc, khiếu nại (nếu có) trước khi gửi hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ lên Hội đồng cấp trên.

3. Thành phần Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ các cấp

Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ các cấp gồm: đại diện các nhà chuyên môn của từng lĩnh vực nghệ thuật; nhà quản lý có uy tín, am hiểu lĩnh vực nghệ thuật thuộc lĩnh vực xem xét của Hội đồng và một số nghệ sĩ đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

a) Hội đồng đơn vị nghệ thuật, gồm 5 đến 7 thành viên, trong đó:

- Thủ trưởng đơn vị: Chủ tịch.
- Đại diện Ban chấp hành Công đoàn đơn vị.
- Phụ trách công tác Tổ chức cán bộ của đơn vị.
- Phụ trách công tác nghệ thuật đơn vị.
- Đại diện nghệ sĩ tiêu biểu.

b) Hội đồng cấp Sở Văn hóa - Thông tin và Đài Phát thanh, truyền hình, gồm 7 đến 9 thành viên trong đó:

- Thủ trưởng đơn vị: Chủ tịch.
- Phụ trách lĩnh vực nghệ thuật của Sở hoặc Đài PTTH.
- Một số Trưởng đoàn nghệ thuật trực thuộc Sở.
- Phụ trách công tác Thi đua - Khen thưởng của Sở hoặc Đài PTTH.
- Một số nghệ sĩ có uy tín chuyên môn hoặc nghệ sĩ đã được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

c) Hội đồng cấp Cục Nghệ thuật biểu diễn và Cục Điện ảnh thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin gồm từ 9 đến 11 thành viên, trong đó:

- Cục trưởng: Chủ tịch.
- Một số lãnh đạo đơn vị nghệ thuật.
- Phụ trách công tác nghệ thuật của Cục.

- Phụ trách công tác Thi đua - Khen thưởng của Cục.

- Một số Nghệ sĩ đã được tặng danh hiệu NSND hoặc NSUT.

d) Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm 11 đến 13 thành viên, trong đó:

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách văn xã: Chủ tịch.

- Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin và Đài PTTH.

- Đại diện Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

- Đại diện Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, thành phố.

- Phụ trách quản lý công tác nghệ thuật của tỉnh, thành phố.

- Đại diện Hội văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố.

- Một số nghệ sĩ đã được phong tặng danh hiệu NSND, NSUT.

e) Hội đồng cấp Bộ, ngành có đơn vị nghệ thuật gồm 9 đến 11 thành viên, trong đó:

- Đại diện lãnh đạo Bộ, Ngành: Chủ tịch.

- Phụ trách công tác Thi đua - Khen thưởng của Bộ, ngành.

- Một số Thủ trưởng đơn vị nghệ thuật.

- Phụ trách quản lý công tác nghệ thuật của Bộ, ngành.

- Một số nghệ sĩ đã được tặng danh hiệu NSND, NSUT.

4. Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ

a) Thủ trưởng các cấp có thẩm quyền tại điểm a, b, c, d, e khoản 3, Mục IV tại Thông tư này, quyết định thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ cấp mình quản lý;

b) Hội đồng Chuyên ngành gồm các lĩnh vực: Âm nhạc, Sân khấu, Múa, Điện ảnh, Phát thanh, Truyền hình do Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định thành lập.

- Hội đồng Chuyên ngành có từ 11 đến 13 thành viên gồm: các thành viên Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu nghệ sĩ có chuyên môn cùng lĩnh vực với Hội đồng chuyên ngành, một số nghệ sĩ đã được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú về lĩnh vực chuyên ngành và một số nhà quản lý có uy tín, am hiểu về lĩnh vực chuyên ngành.

Hội đồng chuyên ngành cử người làm Thư ký Hội đồng.

c) Việc thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ các cấp trong lực lượng

vũ trang (Quân đội, Công an) thực hiện việc xin ý kiến của cơ quan cấp trên trực tiếp và theo các quy định về thành phần tham gia Hội đồng các cấp;

d) Các cơ quan, đơn vị không có chức năng hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp thì không phải thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ của đơn vị; nếu có đối tượng đạt tiêu chuẩn theo quy định thì lập hồ sơ theo quy định (có văn bản đề nghị của đơn vị) gửi về Hội đồng cấp Sở Văn hóa - Thông tin tại nơi đơn vị đặt trụ sở để xem xét và đề nghị lên Hội đồng cấp trên;

e) Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

g) Cơ quan thường trực giúp việc Hội đồng cấp Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin thành lập, có trách nhiệm:

- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ do Hội đồng cấp dưới gửi lên và không tiếp nhận các hồ sơ không đúng thủ tục theo quy định, nộp hồ sơ không đúng thời hạn.

- Tổng hợp hồ sơ đề nghị xét tặng

danh hiệu Nghệ sĩ trình Hội đồng cấp Nhà nước xem xét.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ:

a) Hồ sơ cá nhân: gửi Hội đồng cấp cơ sở: 5 bộ, bao gồm: (Biểu 1)

- Bản tóm tắt thành tích cá nhân (có dán ảnh) và xác nhận như sau:

+ Nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp có xác nhận về thành tích hoạt động nghệ thuật và công tác của Thủ trưởng đơn vị.

+ Nghệ sĩ và nghệ nhân không thuộc các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Các bản sao chứng nhận danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Bằng khen, các giải thưởng trong nước và quốc tế. Nếu là giải thưởng tập thể phải có giấy xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về cá nhân tham gia với tư cách là thành phần chính của giải thưởng đó.

b) Hội đồng cấp cơ sở (đơn vị nghệ thuật, Sở Văn hóa - Thông tin, Đài Phát thanh, Truyền hình, cấp Cục chuyên ngành): 4 bộ, bao gồm:

- Công văn đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ cấp cơ sở.
 - Hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ.
 - Phiếu bầu đề nghị xét tặng danh hiệu NSND, NSUT: (Biểu 2a)
 - Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu NSND, NSUT: (Biểu 3a)
 - Biên bản Kiểm phiếu: (Biểu 3b)
 - Báo cáo đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ: (Biểu 4)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân: (Biểu 5a)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú: (Biểu 5b)
 - Quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở.
- c) Hội đồng cấp Bộ, Ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 3 bộ, bao gồm:
- Công văn đề nghị của Hội đồng cấp Bộ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
 - Hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ.
 - Phiếu bầu đề nghị xét tặng danh hiệu NSND, NSUT: (Biểu 2b)
 - Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu NSND, NSUT: (Biểu 3a)
- Biên bản Kiểm phiếu: (Biểu 3b)
 - Báo cáo đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ: (Biểu 4)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân: (Biểu 5a)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú: (Biểu 5b)
 - Quyết định thành lập Hội đồng cấp Chuyên ngành: 2 bộ, bao gồm:
 - Công văn đề nghị của Hội đồng cấp cơ sở, Bộ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
 - Hồ sơ cá nhân đạt điều kiện, tiêu chuẩn.
 - Phiếu bầu đề nghị xét tặng danh hiệu NSND, NSUT: (Biểu A1)
 - Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ: (Biểu 3a)
 - Biên bản Kiểm phiếu: (Biểu 3b)
 - Báo cáo đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ: (Biểu 4)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân: (Biểu 5a)
 - Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú: (Biểu 5b)
 - Quyết định thành lập Hội đồng cấp Chuyên ngành.

e) Hội đồng cấp Nhà nước, gồm: (theo mẫu quy định)

- Công văn đề nghị của Thủ trưởng cấp cơ sở, Bộ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Báo cáo đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ của Hội đồng cấp Bộ, Ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Hồ sơ của Hội đồng cấp Chuyên ngành.

g) Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương):

- Tờ trình của Hội đồng cấp Nhà nước (kèm theo danh sách).

- Bản tổng hợp tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Hội đồng cấp Nhà nước.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng chuyên ngành và Hội đồng cấp Nhà nước.

6. Thủ tục gửi hồ sơ:

a) Đối với các địa phương:

- Hội đồng cấp đơn vị nghệ thuật gửi hồ sơ lên Hội đồng Sở Văn hóa - Thông tin và Đài Phát thanh, Truyền hình. Trường hợp nghệ sĩ, nghệ nhân biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không thuộc đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp nào,

nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp đã nghỉ hưu hoặc là hội viên của Hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thì trực tiếp làm hồ sơ và đơn đề nghị gửi Hội đồng Sở Văn hóa - Thông tin nơi cư trú hoặc Hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

- Hội đồng Sở Văn hóa - Thông tin, Đài Phát thanh, Truyền hình gửi hồ sơ lên Hội đồng cấp tỉnh, thành phố.

- Hội đồng cấp tỉnh, thành phố gửi hồ sơ lên Hội đồng chuyên ngành.

b) Đối với các Bộ, Ngành:

- Hội đồng cấp đơn vị nghệ thuật gửi hồ sơ lên Hội đồng cấp Bộ, Ngành.

- Hội đồng cấp đơn vị nghệ thuật (nhà hát, nhạc viện, trường nghệ thuật, hãng phim) trực thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin và các Hội Văn học nghệ thuật Trung ương có nghệ sĩ đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu nghệ sĩ gửi hồ sơ lên Hội đồng Cục Nghệ thuật biểu diễn và Cục Điện ảnh.

- Hội đồng Đài Phát thanh, Truyền hình cấp tỉnh (có văn bản đề nghị của UBND tỉnh) và Hội đồng các đơn vị trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam gửi hồ sơ lên Hội đồng Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam.

- Hội đồng cấp Bộ, Ngành gửi hồ sơ lên Hội đồng Chuyên ngành.

- Hội đồng Cục Nghệ thuật biểu diễn và Cục Điện ảnh gửi hồ sơ lên Hội đồng Chuyên ngành.

c) Đối với Hội đồng Chuyên ngành:

- Tiếp nhận hồ sơ các Bộ, Ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Cục chuyên ngành trực thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin gửi tới.

- Gửi hồ sơ của Hội đồng Chuyên ngành lên Hội đồng cấp Nhà nước để xét tặng danh hiệu nghệ sĩ.

7. Tổ chức xét tặng tại Hội đồng cấp Nhà nước.

Căn cứ vào kết quả xét chọn của Hội đồng cấp Chuyên ngành và đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn của danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, Hội đồng cấp Nhà nước sẽ xem xét, đánh giá và tiến hành bỏ phiếu bầu và lập hồ sơ, danh sách nghệ sĩ đủ điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xem xét, quyết định.

8. Thời gian xét tặng danh hiệu nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú

a) Danh hiệu nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú được xét và công bố hai năm một lần vào dịp Quốc khánh 2 - 9;

b) Việc tổ chức xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú vào từng đợt thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thông tin và Hội đồng cấp Nhà nước.

9. Giải quyết khiếu nại

a) Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về kết quả xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ và việc vi phạm quy định, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ.

Đơn khiếu nại phải ghi rõ họ và tên, địa chỉ (cá nhân có đơn phải ký trực tiếp vào đơn, không được in sao chữ ký) và gửi cho Thủ trưởng cơ quan thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ cấp tương ứng.

b) Thủ trưởng cơ quan thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhận đơn có trách nhiệm xem xét và trả lời đơn khiếu nại và không xem xét đơn không có tên, địa chỉ rõ ràng hoặc mạo danh.

10. Quy định trách nhiệm

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ

sĩ Ưu tú cho cá nhân của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

b) Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú;

c) Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ sĩ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

11. Tước danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú

a) Cá nhân được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú mà vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án tù thì bị tước danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú;

b) Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được xét tặng danh hiệu nghệ sĩ thì bị hủy bỏ quyết định phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Căn cứ vào các sai phạm của cá nhân trong việc gian dối về kê khai thành tích và quyết định của Tòa án về kết án tù. Các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản (kèm hồ sơ) báo cáo Bộ Văn hóa - Thông tin đề Bộ Văn hóa - Thông tin làm các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Quyết định tước danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Thông tư này cho các đối tượng biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa - Thông tin để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp

Biểu 1

Ảnh 4 x 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH

đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

(Đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ.....)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên (khai sinh):..... Nam, Nữ:
- Bí danh:
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Dân tộc:.....
- Quê quán:.....
- Chỗ ở hiện nay:.....
- Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:
- Chức danh nghệ thuật làm lâu nhất (từ 15 năm trở lên) đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ:
- Đơn vị công tác:
- Năm tham gia công tác:
- Năm tham gia hoạt động nghệ thuật:.....
- Năm được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú:
- Điện thoại gia đình, cá nhân:.....

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1. Khai về quá trình công tác từ khi thoát ly cho đến nay (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật từ năm..... đến năm.....)

III. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (từ Lao động tiên tiến trở lên).

2. Khen thưởng nghệ thuật (có bản sao văn bản các giải thưởng)

- Tên các tác phẩm được giải thưởng trong nước (hoặc quốc tế) và hình thức giải thưởng.

- Chức danh của cá nhân tham gia với tư cách là thành phần chính của các tiết mục, chương trình nghệ thuật hoặc bộ phim được giải thưởng cho tập thể có nhiều chức danh tham gia.

IV. KỶ LUẬT

(Từ hình thức khiển trách trở lên về Đảng, đoàn thể, chính quyền, tổ chức xã hội và không vi phạm Quy chế biểu diễn nghệ thuật và các quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự)

Yêu cầu: Cần nêu cụ thể, có số liệu, tất cả không quá 3 trang đánh máy, riêng các giải thưởng và khen thưởng thi đua phải có bản sao văn bản kèm theo.

....., ngày... tháng... năm 200...

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG

ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Đối với nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật
chuyên nghiệp)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG (XÃ)

(Ký tên, đóng dấu)

(Đối với nghệ sĩ không thuộc đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp)

Biểu 2a

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
 NGHỆ SĨ NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ NĂM 200...
 ĐƠN VỊ (cấp cơ sở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

PHIẾU BẦU

đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

1. Căn cứ đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú
2. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Nhân dân (Đồng ý đánh dấu X vào cột 10, không đề nghị đánh dấu X vào cột 11)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Ý kiến bỏ phiếu	
		Nam	Nữ						Đồng ý	Không
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

3. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Ưu tú (Đồng ý đánh dấu X vào cột 10, không đề nghị đánh dấu X vào cột 11)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số năm hoạt động nghệ thuật	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Ý kiến bỏ phiếu	
		Nam	Nữ						Đồng ý	Không
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2b

BỘ, TỈNH:

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU

NGHỆ SĨ NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ NĂM 200...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

PHIẾU BẦU

đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

1. Căn cứ đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú
2. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Nhân dân (Đồng ý đánh dấu X vào cột 12, không đề nghị đánh dấu X vào cột 13)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị của Hội đồng		Ý kiến bỏ phiếu		Ghi chú
		Nam	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở hoặc Cục chuyên ngành	Đồng ý	Không	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

3. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Ưu tú (Đồng ý đánh dấu X vào cột 12, không đề nghị đánh dấu X vào cột 13)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số năm hoạt động nghệ thuật	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị của Hội đồng		Ý kiến bỏ phiếu		Ghi chú
		Nam	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở hoặc Cục chuyên ngành	Đồng ý	Không	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3a

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND - NSUT
NĂM 200...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 200...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ
NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ NĂM 200...

1. Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng số:..... ngày.... tháng.... năm 200....
của.....

2. Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ..... họp hồi.... giờ....
ngày..... tháng..... năm 200... để xem xét đánh giá danh sách, hồ sơ Nghệ sĩ đề nghị
xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

- Tổng số thành viên Hội đồng có:..... người

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

.....
.....

3. Khách mời tham dự họp Hội đồng (ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác)

.....
.....

Nội dung làm việc của Hội đồng:

1. Hội đồng đã nghe Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng xét tặng danh hiệu
Nghệ sĩ báo cáo về danh sách, kết quả đánh giá việc đề nghị xét tặng danh hiệu
Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200... của Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ
sĩ..... gửi lên.

Số lượng Nghệ sĩ đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ:

- Nghệ sĩ Nhân dân:..... người

- Nghệ sĩ Ưu tú..... người

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá, đối chiếu từng tiêu chuẩn xét thưởng
và danh sách Nghệ sĩ đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú
(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng).

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

a) Trưởng ban:

b) Hai Ủy viên:

.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu bầu theo hồ sơ và danh sách đề nghị trên cơ sở cân nhắc, đối chiếu với từng tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

- Kết quả kiểm phiếu được báo cáo trong biên bản kiểm phiếu (gửi kèm theo)

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

5.1. Kết quả bỏ phiếu của Hội đồng (số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt)

a) Đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân:..... người

- Không đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân:..... người

b) Đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú:..... người

- Không đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú:..... người

5.2. Căn cứ vào kết quả bỏ phiếu và kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ (cấp trên) xem xét và trình các cấp có thẩm quyền xét duyệt danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Nghệ sĩ Ưu tú năm 200..... cho..... nghệ sĩ (có danh sách kèm theo).

5.3. Căn cứ vào kết quả bỏ phiếu và kiểm phiếu, Hội đồng không đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Nghệ sĩ Ưu tú năm 200..... cho..... nghệ sĩ không đạt số phiếu theo quy định (có danh sách kèm theo)

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 200.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú ý: Mẫu này dùng chung cho các Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ các cấp

Biểu 3b

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU NSND -
NSUT NĂM 200...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU BẦU NGHỆ SĨ NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ
NĂM 200...

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ..... đã họp ngày..... tháng..... năm 200... để xem xét, đánh giá việc đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200.....

a) Tổng số thành viên Hội đồng có..... người

- Số thành viên Hội đồng tham gia họp: thành viên

- Số thành viên Hội đồng vắng mặt:..... thành viên

Gồm các thành viên:

b) Hội đồng đã bầu các ông (bà) sau đây vào Ban Kiểm phiếu:

- Trưởng ban:

- Các ủy viên:.....

.....

c) Số phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra:.....

- Số phiếu thu về:.....

- Số phiếu hợp lệ:.....

2. Tổng số Nghệ sĩ được đề nghị tặng danh hiệu:.....

- Nghệ sĩ Nhân dân: người

- Nghệ sĩ Ưu tú..... người

3. Kết quả bỏ phiếu:

3.1. Nghệ sĩ Nhân dân

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số phiếu đề nghị		Kết luận
		Nam	Nữ				Đồng ý	Không	
1									
2									

3.2. Nghệ sĩ Ưu tú:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số phiếu đề nghị		Kết luận
		Nam	Nữ				Đồng ý	Không	
1									
2									

4. Căn cứ kết quả bỏ phiếu của Hội đồng, các Nghệ sĩ đạt từ 3/4 trở lên số thành viên Hội đồng tham gia bỏ phiếu được đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ cấp trên xem xét để xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ, gồm:

4.1. Nghệ sĩ Nhân dân:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số phiếu đề nghị
		Nam	Nữ				
1							
2							

4.2. Nghệ sĩ Ưu tú:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số phiếu đề nghị
		Nam	Nữ				
1							
2							

BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên từng người)

Chú ý: Mẫu này dùng chung cho các Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200... từ cấp đơn vị nghệ thuật đến cấp Tỉnh, Bộ, Hội đồng chuyên ngành

Biểu 4

BỘ, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 UBND TỈNH, TP:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 ĐƠN VỊ:.....

....., ngày..... tháng..... năm 200...

BÁO CÁO

về việc đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân,
 Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

Kính gửi: Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ

.....

Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200....
 của đã họp ngày..... tháng năm 200.... Sau khi xem xét
 thành tích của từng cá nhân đối chiếu với tiêu chuẩn, Hội đồng tiến hành đánh giá và
 bỏ phiếu kín đề nghị xét tặng danh hiệu:

- Nghệ sĩ Nhân dân: người
- Nghệ sĩ Ưu tú: người

Trong quá trình tiến hành, Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ
 sĩ Ưu tú đã thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định
 của Nhà nước và Bộ Văn hóa - Thông tin về việc xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân
 dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200....., đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và quy trình
 xét chọn.

Danh sách đề nghị danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

I. NGHỆ SĨ NHÂN DÂN

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Số phiếu tín nhiệm			
		Nam	Nữ					Hội đồng cơ sở	Hội đồng cấp Sở, Cục	Hội đồng cấp tỉnh, Bộ	Hội đồng chuyên ngành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

II. NGHỆ SĨ ƯU TÚ:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm h/động nghệ thuật	Số phiếu tín nhiệm			
		Nam	Nữ					Hội đồng cơ sở	Hội đồng cấp Sở, Cục	Hội đồng cấp tỉnh, Bộ	Hội đồng chuyên ngành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Kính trình Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú..... xem xét và trình các cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân cho..... người và Nghệ sĩ Ưu tú cho..... người (có danh sách kèm theo Biểu 5a và 5b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ghi chú: - Mẫu này dùng chung cho các Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200... từ cấp cơ sở đến cấp Tỉnh, Bộ, Chuyên ngành, nhưng do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo ký tên và đóng dấu của cơ quan.

- Các cột 9, 10, 11, 12 số phiếu của cấp Hội đồng nào thì ghi vào cột Hội đồng đó.

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ SĨ NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ NHÂN DÂN NĂM 200 ...

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị				Ghi chú
		Năm	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở, Cục chuyên ngành	Cấp Bộ, tỉnh,	Hội đồng chuyên ngành	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan)

Chú ý: - Mẫu này dùng chung cho các Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân năm 200... từ cấp đơn vị nghệ thuật, cấp cơ sở (Sở, Cục) đến cấp tỉnh, bộ, Hội đồng chuyên ngành nhưng do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu của cơ quan.

- Các cột 10, 11, 12, 13 ghi số phiếu của các cấp Hội đồng.

Biểu 5b

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ SĨ NHÂN DÂN, NGHỆ SĨ ƯU TÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ ƯU TÚ NĂM 200 ...

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số năm hoạt động nghệ thuật	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị				Ghi chú
		Năm	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở hoặc Cục chuyên ngành	Cấp Bộ, tỉnh, thành phố	Hội đồng chuyên ngành	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan)

Chú ý: - Mẫu này dùng chung cho các Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 200... từ cấp đơn vị nghệ thuật, cấp cơ sở (Sở, Cục) đến cấp tỉnh, bộ, Hội đồng chuyên ngành (do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu của cơ quan).

- Các cột 10, 11, 12, 13 ghi số phiếu của các cấp Hội đồng.

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG XÉT TẶNG

DANH HIỆU NGHỆ SĨ

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU NGHỆ SĨ

CHUYÊN NGÀNH:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

PHIẾU BẦU

đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú năm 200...

1. Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-BVHTT ngày..... tháng..... năm 200... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
2. Căn cứ đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú
3. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Nhân dân (Đồng ý đánh dấu X vào cột 13, không đề nghị đánh dấu X vào cột 14).

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Năm được phong tặng NSUT	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị của các Hội đồng			Ý kiến bỏ phiếu		Ghi chú
		Nam	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở hoặc Cục chuyên ngành	Cấp Bộ, tỉnh, thành phố	Đồng ý	Không	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

3. Thành viên Hội đồng đánh giá vào danh sách xét tặng Nghệ sĩ Ưu tú (Đồng ý đánh dấu X vào cột 13, không đề nghị đánh dấu X vào cột 14).

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh nghệ thuật	Đơn vị công tác	Số năm hoạt động nghệ thuật	Tên các giải thưởng và năm được tặng	Số phiếu đề nghị của các Hội đồng			Ý kiến bỏ phiếu		Ghi chú
		Nam	Nữ						Đơn vị nghệ thuật	Sở hoặc Cục chuyên ngành	Cấp Bộ, tỉnh, thành phố	Đồng ý	Không	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)